

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Mỹ H, sinh năm 1988; địa chỉ: 65/2B, ấp T, xã G, huyện T1, tỉnh Đ; (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Mohammadi S, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 8260 SCR, S, Canada (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Mohammadi Safiullah để nhận văn bản tố tụng: Chị Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1989; địa chỉ: B503 c/c T2, phường T3, quận B, Thành phố H (theo giấy ủy quyền 13/10/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022, bản tự khai ngày 11/5/2022, nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ H trình bày:

Chị và anh Mohammad S quen biết nhau qua mạng xã hội. Sau thời gian tìm hiểu chị và anh Mohammad S đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân

huyện T1, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 03/8/2018. Hôn nhân của chị và anh Mohammad S là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn chị và anh Mohammad S sống chung với nhau được 3 tuần. Sau đó, anh Mohammad S về lại Canada. Vào đầu năm 2019, anh Mohammad S có trở về Việt Nam thăm chị và ở lại khoảng 02 tuần. Từ thời gian trên cho đến nay chị và anh Mohammad S sống ly thân với nhau. Trong thời gian này, giữa hai người bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về tôn giáo, văn hóa khiến cả hai cãi nhau rất nhiều và không thể hòa giải. Từ năm 2019 đến nay giữa chị và anh Mohammad S không còn nói chuyện và liên lạc với nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn tình cảm yêu thương vợ chồng với anh Mohammad S. Nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Mohammad S.

Về con chung: Không có, nên không cần tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, nên không cần tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có, nên không cần tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai ngày 13/10/2021 đã được hợp pháp hóa lãnh sự anh Mohammad S trình bày :

Anh và chị Đinh Thị Mỹ H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T1 và được Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 03/8/2018, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn anh về Việt Nam gặp chị H được 02 lần, mỗi lần thời gian khoảng 03 tuần. Thời gian giữa anh và chị H sống chung với nhau không lâu nên giữa hai người không hiểu và hòa hợp lẫn nhau, mỗi lần gặp nhau là xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, văn hóa. Do thời gian xa cách quá lâu nên anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Đinh Thị Mỹ H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Mỹ H.

Về con chung: Không có, nên không cần tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, nên không cần tòa án giải quyết

Nợ chung của vợ chồng: Không có, nên không cần tòa án giải quyết.

3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử và giải quyết vụ án đúng thời hạn theo luật định.

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán chủ tọa điều hành phiên tòa đúng quy định, đảm bảo sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh Mohammadi S là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân gia đình 2014 vì hai bên tự nguyện, không vi phạm điều cấm, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện T1 vào năm 2018. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng văn hóa, tôn giáo, mỗi người sống mỗi nơi, chị ở Việt Nam, anh ở Canada, ba năm gần đây anh chị không còn giữ liên lạc với nhau. Xét thấy hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H.

+ Về con chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (trừ vào tiền tạm ứng đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đinh Thị Mỹ H và anh Mohammadi S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt chị Đinh Thị Mỹ H và anh Mohammadi S.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị Mỹ H và anh Mohammadi S xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, đã được UBND huyện T1, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 03/8/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Đinh Thị Mỹ H

xin ly hôn anh Mohammadi S vì cho rằng vợ chồng kết hôn năm 2018 đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, hiện nay cả hai đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị H xin ly hôn thì anh Mohammadi S cũng đồng ý vì xét thấy tình cảm không còn do thời gian xa cách đã lâu.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đinh Thị Mỹ H và anh Mohammadi S là có thật, cả hai đều không tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị Đinh Thị Mỹ H được ly hôn anh Mohammadi S.

[3] Về con chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Đinh Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 123, Điều 124, Điều 127, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Mỹ H và anh Mohammadi S.

2. Về con chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số: 0000201 ngày 17/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

6. Quyền kháng cáo: Anh Mohammadi S được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Chị Đinh Thị Mỹ H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND huyện Thống Nhất;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Trí